

DỰ THẢO 10 (29.7)

THÔNG TƯ
Quy định về trang phục y tế

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/08/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về trang phục y tế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về màu sắc, chất liệu, quy cách trang phục y tế của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; người lao động; học viên; sinh viên; học sinh; người thực hành tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người bệnh; sản phụ; người nhà người bệnh (trực tiếp chăm sóc người bệnh); người đến thăm, làm việc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người tình nguyện hỗ trợ người bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và việc quản lý, sử dụng trang phục y tế, trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và tư nhân trên toàn quốc.
2. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; người lao động; học viên; sinh viên; học sinh học tập; người thực hành tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người bệnh; sản phụ; người nhà người bệnh; người đến thăm, làm việc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người tình nguyện hỗ trợ người bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
3. Các cơ sở y tế khác tùy điều kiện, tính chất công việc, yêu cầu chuyên môn có thể sử dụng trang phục y tế phù hợp trên cơ sở quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Quy định chung đối với trang phục y tế

1. Trang phục y tế bao gồm: Áo, quần, áo liền váy, chân váy, giày dép, mũ và biển tên.
2. Tiêu chí của trang phục y tế:
 - a) Bảo đảm an toàn cho người bệnh, người sử dụng;
 - b) Thuận tiện khi mặc, khi thao tác chuyên môn;
 - c) Mang tính truyền thống, đặc trưng ngành y tế;

d) Nguyên liệu bảo đảm ít nhăn, dễ giặt, dễ là ủi, dễ khử khuẩn, thấm mồ hôi và phù hợp với khí hậu;

đ) Kiểu dáng và màu sắc hài hòa, thân thiện, đơn giản, hiện đại, lịch sự, trang nhã, kín đáo, bảo đảm tính thẩm mỹ, phù hợp với công việc và nghề nghiệp;

e) Bảo đảm nhận biết rõ các đối tượng sử dụng và các khu vực chuyên môn khác nhau.

Chương II

TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH, NGƯỜI LAO ĐỘNG, HỌC VIÊN, SINH VIÊN, HỌC SINH LÀM VIỆC, HỌC TẬP TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Điều 4. Trang phục của bác sĩ

1. Áo hè thu:

a) Màu sắc: Màu trắng;

b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;

c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.

2. Áo đông xuân:

a) Màu sắc: Màu trắng;

b) Chất liệu: Vải cotton gabardine;

c) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.

3. Quần:

a) Màu sắc: Màu trắng;

b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki;

c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.

Điều 5. Trang phục của điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sĩ

1. Áo hè thu:

a) Màu sắc: Màu trắng;

b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;

c) Kiểu dáng:

- Áo kiểu dài tay, chiều dài áo ngang hông, cổ 2 ve, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, cài cúc giữa, phía sau xẻ giữa.

- Túi áo và tay áo có viền xanh dương, kích thước viền 1cm.

2. Áo đông xuân:

- a) Màu sắc: Màu trắng;
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine;
- c) Kiểu dáng:
 - Áo kiểu dài tay; chiều dài áo ngang hông, cổ 2 ve có khuy cài biên công tác trên ngực trái, cài cúc giữa, phía trước có 2 túi, phía sau xẻ giữa.
 - Túi áo và tay áo có viền xanh dương, kích thước viền 1cm.

3. Quần:

- a) Màu sắc: Màu trắng;
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki;
- c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.

4. Áo liền váy: Ngoài trang phục áo, quần quy định tại Khoản 1, 2, 3 điều này, điều dưỡng viên, hộ sinh viên nữ còn có thể được trang bị áo liền váy.

- a) Màu sắc: Màu trắng;
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki;
- c) Kiểu dáng:

- Áo liền váy kiểu dài tay hoặc ngắn tay cho mùa hè thu, kiểu dài tay cho mùa đông xuân, cổ 2 ve, chiều dài áo quá gối 5 cm-10cm, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái.

- Cổ áo, túi áo và tay có viền xanh dương, kích thước viền 0,5cm.

Điều 6. Trang phục của kỹ thuật viên, cử nhân sinh học, hóa học, kỹ sư làm việc tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Áo hè thu:

- a) Màu sắc: Màu trắng;
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;
- c) Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay, chiều dài áo ngang hông, cổ 2 ve, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên công tác trên ngực trái, cài cúc giữa, phía sau xẻ giữa.

2. Áo đông xuân:

- a) Màu sắc: Màu trắng;
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine;
- c) Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay; chiều dài áo ngang hông, cổ 2 ve có khuy cài biên công tác trên ngực trái, cài cúc giữa, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa.

3. Quần:

- a) Màu sắc: Màu xanh cô ban sẫm
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki;
- c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.

Điều 7. Trang phục của dược sĩ

1. Áo hè thu:

- a) Màu sắc: Màu trắng;
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;
- c) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 2 túi chéo và 1 túi ngực, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.

2. Áo đông xuân:

- a) Màu sắc: Màu trắng;
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine;
- c) Kiểu dáng:
 - Áo blouse, cổ 2 ve, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.

3. Quần:

- a) Màu sắc: Màu trắng;
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki;
- c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.

Điều 8. Trang phục dành riêng cho khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, người làm việc tại trung tâm tiết khuẩn

1. Áo:

- a) Màu sắc: Màu xanh cổ vịt;
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton gabardine;
- c) Kiểu dáng:
 - Áo phẫu thuật: dài tay, chiều dài quá gối 5-10cm, bo chun tay 6 cm, buộc dây phía sau;
 - Áo khoa phẫu thuật, trung tâm tiết khuẩn: cổ trái tim, chui đầu, chiều dài áo ngang hông; có 1 túi ngực; có khuy cài biển tên trên ngực trái.

2. Quần:

- a) Màu sắc: Màu xanh cổ vịt;
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki;
- c) Kiểu dáng:
 - Quần phẫu thuật: Quần kéo dây rút; không có túi;
 - Quần khoa phẫu thuật, trung tâm tiết khuẩn: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.

Điều 9. Trang phục của nhân viên tiếp đón

- 1. Trang phục của nhân viên tiếp đón thực hiện theo quy định về trang phục của nhân viên hành chính, thu ngân quy định tại Điều 12 của Thông tư này.
- 2. Đối với nhân viên nữ, khuyến khích trang phục áo dài truyền thống.
- 3. Đeo dải băng màu xanh gắn trên cánh tay trái áo hoặc chéo qua người, trên dải băng in dòng chữ “NHÂN VIÊN TIẾP ĐÓN”, chiều rộng 10 cm.

Điều 10. Trang phục của nhân viên dinh dưỡng

1. Áo hè thu:

- a) Màu sắc: Màu trắng;
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;
- c) Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ chữ U, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái.

2. Áo đông xuân:

- a) Màu sắc: Màu trắng;
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton gabardine;
- c) Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay, cổ chữ U, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái.

3. Quần:

- a) Màu sắc: Màu trắng;
 - b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki;
 - c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.
3. Đối với nhân viên chế biến thức ăn có thêm tạp dề không cổ, có hai dây đai, chiều dài ngang gối, phía sau cài cúc.

Điều 11. Trang phục của hộ lý, y công, nhân viên giặt là

1. Áo hè thu:

- a) Màu sắc: Màu xanh lam
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;
- c) Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, cổ trái tim cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái.

2. Áo đông xuân:

- a) Màu sắc: Màu xanh lam;
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton gabardine;
- c) Kiểu dáng: Áo kiểu dài tay, cổ trái tim cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái.

3. Quần:

- a) Màu sắc: Màu xanh lam
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki;
- c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.

Điều 12. Trang phục của nhân viên hành chính, thu ngân

1. Áo:

- a) Màu sắc: Màu sáng;
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;
- c) Kiểu dáng: Áo sơ mi.

2. Quần, chân váy (đối với nữ):

- a) Màu sắc: Màu sẫm;
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki;
- c) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.

3. Áo vest:

Tùy điều kiện cụ thể, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định việc sử dụng áo vest.

- a) Màu sắc: Màu sẫm;
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine;
- c) Kiểu dáng: Cổ chữ K, phía trước 3 túi, phía sau có xẻ, có vải lót phía trong, có khuy cài biển tên trên ngực trái.

3. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ Điểm a Khoản 1, 2, 3 điều này quy định màu sắc trang phục của nhân viên hành chính, thu ngân để sử dụng thống nhất tại đơn vị.

Điều 13. Trang phục của nhân viên bảo vệ

1. Áo hè thu:

- a) Màu sắc: Màu ghi hoặc màu xanh cô ban sẫm hoặc màu xanh đen;
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;
- c) Kiểu dáng: Áo ngắn tay, có nẹp cầu vai, tay lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.

2. Áo đông xuân:

- a) Màu sắc: Cùng màu với màu áo hè thu;
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton gabardine;
- c) Kiểu dáng: Áo sơ mi dài tay về mùa đông, có nẹp cầu vai, tay lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.

3. Quần:

- a) Màu sắc: Cùng màu với màu áo;
- b) Chất liệu: Vải kaki;
- c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.

3. Áo khoác:

- a) Màu sắc: Màu ghi;
- b) Chất liệu: Vải cotton gabardine;
- c) Kiểu dáng: Cổ chữ K, phía trước 2 túi hơi chéo có nắp túi, 4 cúc, phía sau có xẻ, dáng áo suông, có vải lót phía trong, có nẹp cầu vai, đệm vai làm bằng mút, có khuy cài biển tên trên ngực trái.

4. Mũ kê pi.

5. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ quy định tại Điểm a Khoản 1 điều này lựa chọn, quy định màu sắc trang phục của nhân viên bảo vệ để sử dụng thống nhất tại đơn vị.

Điều 14. Trang phục của nhân viên bảo trì, lái xe

1. Áo hè thu:
 - a) Màu sắc: Màu xanh đen;
 - b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;
 - c) Kiểu dáng: Áo buzon ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.
2. Áo đông xuân:
 - a) Màu sắc: Màu xanh đen
 - b) Chất liệu: Vải cotton gabardine;
 - c) Kiểu dáng: Áo buzon dài tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.
3. Quần:
 - a) Màu sắc: Màu xanh đen;
 - b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki.
 - c) Kiểu dáng: 2 ly, có túi sau, cạp chun hai bên hông.
3. Áo khoác:
 - a) Màu sắc: Màu xanh đen;
 - b) Chất liệu: Vải cotton gabardine hoặc kaki.
 - c) Kiểu dáng: Dáng áo sông; cổ chữ K; phía trước 2 túi cơi chéo có nắp túi; có khuy cài biển công tác trên ngực trái; 4 cúc; phía sau có xẻ, có vải lót phía trong; có nẹp cầu vai; đệm vai làm bằng mút.

Điều 15. Trang phục của học viên, sinh viên, học sinh, người thực hành

1. Học viên, sinh viên, học sinh học tập, người thực hành tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc chức danh nào thì sử dụng trang phục của chức danh nghề nghiệp tương ứng quy định tại một trong các điều từ Điều 4 đến Điều 12 của Thông tư này.
2. Trên vai áo có cầu vai màu xanh dương, kích thước 4 x10 cm.
3. Đeo thẻ dành cho học viên, sinh viên, học sinh, làm việc theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.

Chương III
TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI BỆNH, SẢN PHỤ

Điều 16. Trang phục của người bệnh

1. Áo:
 - a) Màu sắc: Nền trắng, kẻ sọc xanh lam hoặc nền sáng có họa tiết màu sẫm;
 - b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;
 - c) Kiểu dáng: Áo Pyjama, tay dài, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 3 túi.
2. Quần

- a) Màu sắc: Cùng màu với màu của áo;
- b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;
- c) Kiểu dáng: Quần Pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau.

4. Trang phục bệnh nhi tùy điều kiện cụ thể, giao giám đốc bệnh viện quyết định.

5. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ quy định tại Điều a Khoản 1 điều này lựa chọn, quy định màu sắc trang phục của người bệnh để sử dụng thống nhất tại đơn vị.

Điều 17. Trang phục của người bệnh nặng

1. Màu sắc: Màu xanh lam hoặc nền trắng, kẻ sọc xanh lam hoặc nền sáng có họa tiết màu sẫm;

2. Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;

3. Kiểu dáng: Áo dài tay, cổ tròn, chiều dài áo quá gối 5 -10 cm, cột dây phía sau, có khuy bấm dọc theo vai.

4. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ quy định tại Điều a Khoản 1 điều này lựa chọn, quy định màu sắc trang phục của người bệnh nặng để sử dụng thống nhất tại đơn vị.

Điều 18. Trang phục của sản phụ

1. Áo:

a) Màu sắc: Màu xanh lam hoặc màu hồng hoặc nền màu sáng có họa tiết màu sẫm;

b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton.

c) Kiểu dáng: Áo cổ tròn, dài tay, cài cúc giữa, suông, chiều dài quá hông.

2. Chân váy:

a) Màu sắc: Cùng màu với màu sắc của áo;

b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton gabardine;

c) Chân váy rời, lưng kéo dây rút; chiều dài quá gối 20 cm.

3. Áo liền váy:

a) Màu sắc: Màu xanh lam hoặc màu hồng hoặc nền màu sáng có họa tiết màu sẫm;

b) Chất liệu: Vải kate hoặc cotton gabardine.

c) Áo liền váy cổ tròn, dài tay, cài cúc giữa, thân trước có rút nhúm ở phần eo, chiều dài quá gối 5cm-10cm.

4. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ quy định tại Điều a Khoản 1 điều này lựa chọn, quy định màu sắc trang phục của sản phụ để sử dụng thống nhất tại đơn vị.

Chương IV

**TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI NHÀ NGƯỜI BỆNH, KHÁCH THĂM,
LÀM VIỆC TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH, NGƯỜI TÌNH
NGUYỆN HỖ TRỢ NGƯỜI BỆNH TẠI CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH**

Điều 19. Trang phục của người nhà người bệnh

1. Màu sắc: Màu vàng sẫm
2. Chất liệu: Vải kate hoặc cotton;
3. Kiểu dáng: Áo dài tay, cài cúc giữa, cổ tròn, chiều dài áo dưới gối 5-10cm, phía trước có 2 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.

Điều 20. Trang phục của khách thăm, làm việc

1. Khách thăm, làm việc tại các khoa, phòng chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh sử dụng trang phục sử dụng trang phục của của bác sĩ quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

2. Đeo thẻ dành cho khách thăm, làm việc theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.

Điều 21. Trang phục của người tình nguyện hỗ trợ người bệnh

1. Người tình nguyện hỗ trợ người bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh áo mặc ghi lê; màu xanh dương.

2. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ điều kiện cụ thể của đơn vị để quyết định việc hỗ trợ trang phục cho người tình nguyện sử dụng trong quá trình hỗ trợ người bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Chương V

**CÁC TRANG PHỤC KHÁC ĐƯỢC TRANG BỊ CHUNG ĐỐI VỚI
NGƯỜI HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH, NGƯỜI LAO
ĐỘNG, HỌC VIÊN, SINH VIÊN, HỌC SINH HỌC TẬP, LÀM VIỆC
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

Điều 22. Mũ

1. Màu sắc: theo màu của áo.
2. Chất liệu: theo chất liệu của áo.
3. Kiểu dáng cho từng đối tượng sử dụng: Theo phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 23. Khẩu trang, găng tay

Thực hiện theo Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn.

Điều 24. Biển tên của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Quy định chung:

a) Biển tên là công cụ để nhận biết và xác định vị trí, chức danh, học hàm, học vị của từng người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Biển tên phải có tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quản lý và sử dụng người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động; ảnh, họ và tên, chức vụ hoặc chức danh công việc, học hàm, học vị của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động; mã số biển tên; số chứng chỉ hành nghề đối với người phải có chứng chỉ hành nghề;

c) Biển tên được làm bằng chất liệu giấy hoặc plastic.

2. Mẫu biển tên:

Biển tên hình chữ nhật, rộng 50mm; dài 90mm, trên hai mặt biển tên được in giống nhau các tiêu chí thông tin sau đây:

a) Tên cơ quan cấp trên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp sử dụng người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động (ghi ở hàng thứ nhất): chữ in hoa kiểu Times New Roman, size 14 (theo bộ mã tiêu chuẩn tiếng Việt TCVN-6909/2001), chữ đậm, màu chữ vàng nhạt được in trên nền màu xanh da trời;

b) Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp sử dụng người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động (ghi ở hàng thứ hai): chữ in hoa kiểu Times New Roman, size 14 (theo bộ mã tiêu chuẩn tiếng Việt TCVN-6909/2001), chữ đậm, màu chữ vàng nhạt được in trên nền màu xanh da trời;

c) Học hàm, học vị, họ và tên của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động (ghi ở hàng thứ ba): chữ in hoa kiểu Times New Roman, size 16 (theo bộ mã tiêu chuẩn tiếng Việt TCVN-6909/2001), chữ đậm, màu đen được in trên nền màu trắng;

d) Chức vụ của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động (ghi ở hàng thứ tư): chữ in hoa kiểu Times New Roman, size 12 (theo bộ mã tiêu chuẩn tiếng Việt TCVN-6909/2001), đậm, màu đen được in trên nền màu trắng.

đ) Mã số biển tên người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động theo quy định của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi ở hàng thứ năm) chữ in hoa kiểu Times New Roman, size 14 (theo bộ mã tiêu chuẩn tiếng Việt TCVN-6909/2001), đậm, màu đỏ được in trên nền màu trắng;

e) Ảnh màu cỡ 3 x 4cm của người được cấp biển tên ở vị trí phía dưới bên trái biển tên;

g) Hình logo của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp sử dụng người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động ở vị trí phía trên bên trái biển tên.

3. Vị trí đeo biển tên

a) Biển tên của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được đeo ở vị trí trước ngực trái bằng cách sử dụng ghim cài;

b) Khoảng cách từ cằm đến mặt cắt ngang ở mép trên của biển tên người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động là 20 – 30cm.

4. Chế độ đeo biển tên:

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải đeo biển tên khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 25. Thẻ của học viên, học sinh, sinh viên, khách thăm

1. Thẻ là công cụ để nhận biết học viên, học sinh, sinh viên, khách thăm học tập, thực hành, thăm, làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Thẻ của học viên, sinh viên, học sinh có dòng chữ “HỌC VIÊN” có dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

3. Thẻ của khách thăm có dòng chữ “KHÁCH” và có dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Thẻ của học viên, sinh viên, học sinh, khách thăm do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho học viên, sinh viên, học sinh, khách thăm mượn để sử dụng trong thời gian học tập, thực hành, thăm, làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 26. Giày dép

1. Giày hoặc dép quai hậu, mũi kín, đế bằng, dày không quá 3 cm, chống trơn trượt bảo đảm di chuyển dễ dàng.

2. Không gây tiếng ồn khi di chuyển.

Chương VI

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRANG PHỤC Y TẾ

Điều 27. Cấp phát, mượn trang phục y tế

1. Đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm trang bị trang phục y tế đúng quy định cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

b) Chế độ cấp, phát: Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp lần đầu, đồng bộ trang phục, gồm:

- 02 bộ hè thu và 02 bộ đông xuân.
- Mũ: cấp theo quần áo, váy.
- 01 đôi dép sandal.
- 01 biển tên.
- 01 dải băng đối với nhân viên tiếp đón.

b) Những năm sau được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp tối thiểu 02 bộ (01 bộ hè thu, 01 bộ đông xuân) và 01 đôi dép sandal một năm;

c) Đối với các tỉnh phía Nam, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xem xét lựa chọn trang phục phù hợp với điều kiện thời tiết của địa phương;

d) Niên hạn sử dụng: Áo, quần, áo liền váy chỉ được sử dụng trong thời gian không quá 02 năm kể từ ngày cấp.

đ) Dải băng của nhân viên tiếp đón được thay khi hồng, rách, bạc màu.

2. Đối với người bệnh, người nhà người bệnh, khách thăm, làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho mượn để sử dụng trong thời gian khám bệnh, chữa bệnh, thăm hoặc làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

3. Đối với học viên, sinh viên, học sinh thuộc chuyên ngành nào thì cá nhân tự trang bị trang phục của chức danh chuyên môn tương ứng theo quy định tại một trong các Điều từ Điều 4 đến Điều 12 của Thông tư này.

4. Kinh phí may sắm cho trang phục y tế quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này được tính kết cấu vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được chủ động sử dụng nguồn thu và dự toán ngân sách giao thường xuyên hàng năm để bảo đảm trang phục y tế của đơn vị.

Điều 28. Sử dụng trang phục y tế

1. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải sử dụng trang phục y tế đồng bộ trong giờ làm việc hành chính và giờ trực.

2. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không được sử dụng trang phục y tế không đúng mục đích.

3. Học viên, sinh viên, học sinh khi học tập, thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm sử dụng trang phục theo quy định tại Thông tư này.

Điều 29. Bảo quản trang phục y tế

1. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động, học viên, sinh viên, học sinh khi lao động, học tập, thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm bảo quản và sử dụng trang phục y tế luôn sạch, đẹp. Không được mặc trang phục nhăn, cũ, rách, mất cúc, đổi màu.

2. Bệnh viện phải tổ chức giặt, là trang phục quần, áo, áo liền váy, chân váy, mũ cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động, khách đến thăm, người bệnh và người nhà người bệnh.

a) Trang phục quần, áo, áo liền váy, chân váy cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động, khách đến thăm, người bệnh và người nhà người bệnh phải thay, giặt thường xuyên, bảo đảm sạch sẽ.

b) Trang phục viên chức, người lao động làm việc trong các khu vực: khoa phẫu thuật, buồng đẻ, khoa hồi sức cấp cứu hoặc các khu vực lây nhiễm phải thay, giặt quần áo hàng ngày hoặc thay ngay khi bẩn.

c) Trang phục các khu lây nhiễm phải được giặt riêng.

3. Các khoa, phòng, đơn vị thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải có tủ đựng trang phục hoặc có giá treo trang phục cho cán bộ y tế.

4. Học viên, sinh viên, học sinh khi học tập, thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm tự thay, giặt trang phục ít nhất 3 lần trong một tuần hoặc thay ngay khi bẩn.

Điều 30. Trách nhiệm quản lý biển tên

1. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp sử dụng người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động có trách nhiệm:

a) Trực tiếp quản lý biển tên của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị mình;

b) Thẩm tra, làm thủ tục cấp, đổi biển tên cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động để sử dụng trong việc thực hiện nhiệm vụ;

c) Thu hồi biển tên của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động trong các trường hợp sau đây:

- Thôi việc hoặc vi phạm kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc;
- Thay đổi cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác, vị trí chức danh công việc hoặc chức vụ công tác;

2. Trách nhiệm của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động trong việc quản lý và sử dụng biển tên

a) Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động có trách nhiệm quản lý, sử dụng biển tên theo đúng quy định tại Thông tư này. Tuyệt đối không được cho mượn biển tên dưới bất kỳ hình thức nào;

b) Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động làm mất hoặc làm hư hỏng biển tên phải báo cáo và giải trình với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý biển tên; đồng thời đề nghị được cấp lại hoặc đổi biển tên mới;

c) Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động được điều động, luân chuyển, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác phải trả lại biển tên cho cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ; đồng thời đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị mới cấp biển tên để sử dụng;

d) Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động thay đổi về chức danh công việc hoặc chức vụ công tác thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp đổi biển tên mới;

đ) Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động khi nghỉ hưu được giữ biển tên của mình sau khi cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý biển tên đã cắt góc hoặc đột lỗ trên biển tên.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Bãi bỏ các quy định về trang phục y tế quy định tại Quyết định số 2365/2004/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

Trang phục y tế đã được ký hợp đồng và may xong; trang phục y tế đã được trang bị cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người lao động và các đối tượng khác tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực mà không theo đúng quy cách trang phục y tế quy định tại Thông tư này được tiếp tục sử dụng sau khi Thông tư này có hiệu lực nhưng không quá 12 tháng kể từ thời điểm cấp phát, trang bị cho người sử dụng.

Điều 33. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi bổ sung.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với các Vụ, Cục có liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thủ trưởng y tế ngành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về trang phục y tế của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi địa phương.

3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Quản lý khám, chữa bệnh) để nghiên cứu giải quyết.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX;
Công báo, Cổng TTĐTCTP);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, VP.Bộ, T.tra Bộ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KCB (03b), PC.

Nguyễn Thị Kim Tiến